

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông
công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm học 2022 - 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 6188/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm học 2022 - 2023, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; học viên học tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Mức học phí năm học 2022 - 2023

a) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

(Đơn vị tính: Đồng/học sinh/tháng)

Vùng	Cấp học			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị (các phường, thị trấn)	300.000	300.000	300.000	300.000
Nông thôn (các xã)	100.000	100.000	100.000	200.000

b) Đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông: mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

c) Mức học phí đối với cấp tiểu học quy định tại điểm a khoản 2 Điều này dùng làm căn cứ để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

d) Mức học phí theo hình thức học trực tuyến (học online): bằng 0,75 lần mức học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

đ) Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định của Chính phủ (các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh).

3. Mức học phí thực tế học sinh phải nộp trong năm học 2022 - 2023 khi theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục

nghe nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (gồm: cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông).

(Đơn vị tính: Đồng/học sinh/tháng)

STT	Vùng/cấp học	Mức học phí thực tế học sinh phải nộp	
		Hình thức học trực tiếp	Hình thức học trực tuyến
I	Vùng thành thị (các phường và thị trấn)		
1	Mầm non:		
	- Trường đạt chuẩn quốc gia	180.000	135.000
	- Trường chưa đạt chuẩn quốc gia	90.000	67.500
2	Trung học cơ sở	60.000	45.000
3	Trung học phổ thông	80.000	60.000
II	Vùng nông thôn (các xã)		
1	Mầm non	50.000	37.500
2	Trung học cơ sở	40.000	30.000
3	Trung học phổ thông	60.000	45.000

4. Quy định về việc cấp phần chênh lệch giữa mức học phí theo quy định và mức học phí thực tế học sinh phải nộp năm học 2022 - 2023.

a) Ngân sách nhà nước cấp phần chênh lệch giữa mức học phí quy định tại điểm a khoản 2 so với mức học phí thực tế học sinh phải nộp quy định tại khoản 3 Điều này để đảm bảo chi thường xuyên cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

b) Nguồn kinh phí thực hiện: theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Các Bộ: GDĐT, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm CB, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH BD;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, CV (4).



CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Nguyễn Trường Nhật Phụng